ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: **1075** /TB-ĐVTDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 07 năm 2022

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2022

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-ĐVTDT ngày 29/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ.

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ (đợt 2), năm 2022 như sau:

I. Chuyên ngành tuyển sinh

- Quản lý Văn hóa Mã số: 8229042

- Quản lý Công Mã số: 8340403

II. Thời gian đào tạo: 02 năm (24 tháng)

III. Điều kiện dự tuyển

3.1. Người đăng ký dự thi (ứng viên) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu *(danh mục các ngành phù hợp với các ngành, chuyên ngành tuyển sinh trình độ thạc sĩ quy định chi tiết tại phụ lục 1).*

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(phụ lục 2)* được minh chứng bằng một trong các Văn bằng, Chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ Đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ Đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ Đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự thi.

- Ứng viên dự thi là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học

(hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

c) Về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác: Không yêu cầu thâm niên công tác chuyên môn kể từ sau khi tốt nghiệp Đại học.

d) Có đủ sức khỏe để học tập.

e) Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

3.2. Thí sinh chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh như điểm b, mục 3.1 phải dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 3, theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.3. Sinh viên đang học chương trình đào tạo Đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) hết năm học thứ 3 và có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được phép đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành tương ứng với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ mà sinh viên đang học.

IV. Đối tượng và chính sách ưu tiên

4.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo theo quy định của Chính phủ. Trong trường hợp này, thí sinh phải có Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào điểm trung bình chung học tập 0,5 điểm.

V. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ tuyển sinh bao gồm:

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu);

2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu của Trường phát hành), dán ảnh, đóng dấu giáp lai, có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương;

3. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp Đại học và bảng điểm toàn khóa.

4. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập do một bệnh viện đa khoa, thời gian không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

5. Bản sao công chứng các bài báo, công trình khoa học (nếu có);

6. Bản sao công chứng giấy khai sinh (hoặc công chứng từ bản gốc);

7. Văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ;

8. 03 ảnh cỡ 3 x 4 và 2 phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ .

VI. Các môn thi tuyển: Thí sinh dự thi 02 môn

6.1. Chuyên ngành Quản lý Văn hóa

- ***Môn 1***: Môn cơ bản: **Triết học**
- ***Môn 2:*** Môn cơ sở: **Lý luận Văn hóa**

6.2. Chuyên ngành Quản lý Công

- ***Môn 1***: Môn cơ bản: **Quản lý học đại cương**
- ***Môn 2:*** Môn cơ sở: **Lý luận hành chính nhà nước**

VII. Lệ phí dự thi và học phí: Theo quy định hiện hành của Nhà nước và Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

VIII. Thời gian nhận hồ sơ và dự kiến thi tuyển

- Phát hành hồ sơ: Từ ngày 18/07/2022 tại phòng Đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ ngày 18/07/2022 đến hết ngày 30/08/2022 đối với các thí sinh phải học bổ sung kiến thức và đến ngày 15/09/2022 đối với các thí sinh không phải học bổ sung kiến thức.

- Thời gian học bổ sung kiến thức: Dự kiến từ ngày 05/08/2022

- Thời gian thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam: Dự kiến ngày 25/09/2022.

- Thời gian thi tuyển: Dự kiến ngày 22 – 23/10/2022.

Mọi thủ tục chi tiết xem trên trang Website của Trường hoặc liên hệ với Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Địa chỉ: Phòng 109, nhà B, số 561, phố Quang Trung, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0912501982 (Ông Hà Đình Hùng); 0917536336 (Bà Trần Thị Thanh Tú).

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trân trọng thông báo để những người có nhu cầu dự thi biết, đăng ký và nộp hồ sơ đúng hạn./.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GDĐH (để b/c)
- BGH, CTHĐT;
- Các đơn vị trong Trường;
- Website
- Lưu VT; SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Hà

Phụ lục 1

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Chuyên ngành Quản lý Văn hóa *(Theo Quyết định số: 888/QĐ-ĐVTDT ngày 16/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

TT	*Đối tượng*	*Học phần học chuyển đổi, bổ sung*
1	**Ngành đúng, ngành phù hợp:** Quản lý Văn hóa, Văn hóa quần chúng Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Quản lý Văn hóa tại trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa	Không phải học chuyển đổi, bổ sung kiến thức
2	**Ngành gần:** - Văn hóa học; Gia đình học, Triết học, Tôn giáo học; Lịch sử, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Ngôn ngữ học, Văn học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Hán Nôm, Nhân học, Thông tin Thư viện, Du lịch, Bảo tàng học, Lưu trữ học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm, Báo chí, Đông Phương học, Đông Nam Á học, Quan hệ công chúng, Tâm lý học, Khoa học quản lý. -04 ngành do Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa đào tạo và cấp bằng: Quản lý Thể thao, Quản lý nhà nước, Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Công tác xã hội -Những ngành/chuyên ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% đến 40% so với nội dung chương trình khối kiến thức của ngành Quản lý Văn hóa tại trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa.	*05 học phần chuyên ngành/14 tín chỉ, gồm:* 1. Quản lý nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch (3TC) 2. Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức Văn hóa Nghệ thuật (3TC) 3. Các ngành công nghiệp Văn hóa (2TC) 4. Xây dựng văn hóa cộng đồng (3TC) 5. Quản lý hoạt động nghệ thuật (3TC)
3	**Ngành khác:** - Những ngành/ chuyên ngành còn lại trong danh mục cấp đào tạo cấp IV trình độ đại học được Bộ GD&ĐT quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017. - Những ngành/chuyên ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 41% trở lên so với nội dung chương trình khối kiến thức của ngành Quản lý Văn hóa tại trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa.	*08 học phần /22 tín chỉ, gồm:* 1. Đại cương khoa học quản lý (3TC) 2. Văn hóa học đại cương (2TC) 3. Văn hóa các dân tộc Việt Nam (3TC) 4. Quản lý nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch (3TC) 5. Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức Văn hóa Nghệ thuật (3TC) 6. Các ngành công nghiệp Văn hóa (2TC) 7. Xây dựng văn hóa cộng đồng (3TC) 8. Quản lý hoạt động nghệ thuật (3TC)

2. Chuyên ngành Quản lý công *(Theo Quyết định số: 565/QĐ-ĐVTDT ngày 28/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

TT	***Đối tượng***	***Học phần học chuyển đổi, bổ sung***
1	**Ngành đúng, ngành phù hợp:** Quản lý nhà nước/ Hành chính học Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Quản lý Văn hóa tại trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa	Không phải học chuyển đổi, bổ sung kiến thức
2	**Ngành gần:** -Những ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quan hệ quốc tế; Báo chí; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Luật. -Những ngành do Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa đào tạo và cấp bằng: Quản lý Văn hóa; Quản lý Thể thao. -Những ngành/chuyên ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% đến 40% so với nội dung chương trình khối kiến thức của ngành Quản lý Văn hóa tại trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa.	*05 học phần chuyên ngành/14 tín chỉ, gồm:* 1.Lý luận nhà nước và pháp luật (2TC) 2. Hiến pháp và Luật tổ chức bộ máy nhà nước (4TC) 3. Hành chính công (3TC) 4. Công vụ, công chức (2TC) 5. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (3TC)
3	**Ngành khác:** -Những ngành/ chuyên ngành còn lại trong danh mục cấp đào tạo cấp IV trình độ đại học được Bộ GD&ĐT quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017. -Những ngành/chuyên ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 41% trở lên so với nội dung chương trình khối kiến thức của ngành Quản lý Văn hóa tại trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa.	*08 học phần / 22 tín chỉ, gồm:* 1.Lý luận nhà nước và pháp luật (2TC) 2. Hiến pháp và Luật tổ chức bộ máy nhà nước (4TC) 3. Hành chính công (3TC) 4. Công vụ, công chức (2TC) 5. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (3TC) 6. Kỹ thuật điều hành công sở (3TC) 7. QLNN về Văn hóa, Thể thao và Du lịch (3TC) 8. Ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý (2TC)

Phụ lục 2

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2